

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC PHỐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 53 / BC-UBND

Đức Phổ, ngày 9 tháng 05 năm 2013

BÁO CÁO
**Tổng kết việc thi hành Luật Ban hành
văn bản quy phạm pháp luật năm 2008.**

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của cơ quan Nhà nước cấp trên và Công văn số 217/STP-VBPQ ngày 17 tháng 4 năm 2013 của Sở Tư pháp Quảng Ngãi Về việc tổng kết Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008. Nay UBND huyện Đức Phổ báo cáo nội dung trên như sau:

I. Kết quả thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008:

1. Đánh giá việc thực hiện các quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008:

Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước ở địa phương, ngay từ khi Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008 (sau đây gọi là Luật Ban hành văn bản năm 2008) được ban hành, UBND huyện đã tổ chức triển khai phổ biến rộng rãi đến các cơ quan, đơn vị và các tầng lớp nhân dân, trong đó đi sâu tập huấn kỹ năng cho các cơ quan có chức năng ban hành hoặc tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Đồng thời, UBND huyện chỉ đạo kịp thời, sâu sát các cơ quan chuyên môn khi soạn thảo các văn bản QPPL cần bám sát các quy định của Luật Ban hành văn bản năm 2008 và Luật Ban hành văn bản QPPL của HĐND, UBND năm 2004 (sau đây gọi tắt là Luật ban hành văn bản năm 2004), Nghị định 91/2006/NĐ-CP để đảm bảo về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành nhằm phục vụ tốt công tác quản lý Nhà nước ở địa phương.

Từ năm 2008 đến tháng 4 năm 2013, UBND huyện đã ban hành văn bản mang tính quy phạm pháp luật gồm 29 quyết định.

Nhìn chung, công tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong những năm qua được thực hiện tương đối nghiêm túc, tuân thủ quy trình ban hành văn bản QPPL do luật định, các dự thảo văn bản sau khi soạn thảo đều được tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan và được cơ quan có thẩm quyền thẩm định trước khi trình UBND thông qua. Do đó, các văn bản QPPL khi được ban hành đều đảm bảo về hình thức, nội dung, căn cứ pháp lý, đúng thẩm quyền và có tính khả thi, đảm bảo phục vụ nhiệm vụ trọng tâm của địa phương, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, duy trì an ninh, trật tự trên địa bàn.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác ban hành văn bản quy phạm pháp luật của UBND còn có một số hạn chế. Qua thống kê số lượng văn bản quy phạm

pháp luật được ban hành từ năm 2008 đến 2012 không nhiều, nội dung chủ yếu của các văn bản là quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện; một số văn bản khác có nội dung như quy chế làm việc của UBND; quy chế về công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của UBND ...nhưng nội dung cốt lõi của các văn bản này cũng quy định lại nội dung hướng dẫn của các văn bản của cơ quan Nhà nước cấp trên. Thủ tục lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức và nhân dân chưa đạt được kết quả cao, các cơ quan được lấy ý kiến chưa xem trọng công tác này nên phần lớn là thống nhất như dự thảo hoặc có góp ý thì cũng chỉ tập trung vào câu chữ, phần góp ý vào nội dung còn hạn chế. Những hạn chế này xuất phát từ các nguyên nhân sau:

- Mặc dù Luật Ban hành văn bản năm 2008 và Luật Ban hành văn bản năm 2004 đã nêu khái niệm và các tiêu chí của văn bản quy phạm pháp luật là “ trong đó có chứa các quy tắc xử sự chung, có hiệu lực bắt buộc chung” hoặc “ trong đó có chứa quy tắc xử sự chung, có hiệu lực trong phạm vi địa phương” nhưng trong thực tiễn nội hàm của khái niệm này chưa được thống nhất, chưa có tiêu chí xác định rõ thế nào là “quy tắc xử sự chung”. Trong Nghị định 91/2006/NĐ-CP về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là Nghị định 91) cũng đưa ra các đặc trưng để nhận biết văn bản quy phạm pháp luật và viện dẫn tên một số loại văn bản cụ thể nhưng vẫn không liệt kê hết và cũng chưa phân định rạch ròi ranh giới giữa văn bản quy phạm pháp luật và văn bản cá biệt. Chính vì vậy trong thực tiễn ban hành văn bản rất khó nhận định nội dung nào cần ban hành dưới hình thức văn bản quy phạm pháp luật, nội dung nào được ban hành dưới hình thức văn bản cá biệt.

- Về vị trí, tính chất của UBND cấp huyện trong hệ thống hành chính là cơ quan chấp hành và thừa hành, chủ yếu là tổ chức thực hiện văn bản QPPL của cơ quan Nhà nước cấp trên và Hội đồng nhân dân cùng cấp, vì vậy việc ban hành các văn bản có “quy tắc xử sự chung” có thể dẫn đến các hệ lụy là: quy định lại những nội dung mà văn bản của cơ quan Nhà nước cấp trên đã quy định, hoặc tự đặt ra các quy tắc xử sự riêng, điều này dẫn đến vi phạm quy định về tính phù hợp và thống nhất trong hệ thống pháp luật.

- Theo quy định của Luật ban hành văn bản năm 2008 và Luật Ban hành văn bản năm 2004 thì việc tổ chức lấy ý kiến và thẩm định là khâu bắt buộc trong quy trình ban hành văn bản QPPL của địa phương. Tuy nhiên, quy định của pháp luật cũng chỉ dừng lại ở đó mà chưa có quy định cụ thể về giá trị pháp lý cũng như trách nhiệm của cơ quan được lấy ý kiến, chính vì vậy các cơ quan này thường ỷ lại vào cơ quan soạn thảo, không tham gia góp ý hoặc tham gia góp ý mang tính hình thức, chung chung, chủ yếu là câu chữ, chưa đi sâu góp ý vào nội dung điều chỉnh của văn bản. Điều này dẫn đến chất lượng của văn bản không cao, lại tốn kém thời gian và tiền bạc của Nhà nước.

2. Đánh giá về việc ủy quyền cho địa phương ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong một số lĩnh vực:

Trong quy định tại Điều 2 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân có nội dung “ Văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên giao cho hội đồng nhân dân quy định một vấn đề cụ thể - điểm đ khoản 1” và “ Văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên giao cho ủy ban nhân dân quy định một vấn đề cụ thể - điểm c khoản 2”. Như vậy, ngoài việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân còn ban hành văn bản quy phạm pháp luật khi có sự ủy quyền của cơ quan Nhà nước cấp trên. Trên thực tế, trong những năm qua việc ủy quyền ban hành văn bản được thực hiện để quy định những vấn đề mang tính phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, nhưng vẫn đảm bảo tính khoa học và tính thống nhất trong hệ thống pháp luật. Các cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật ở địa phương đã thực hiện quy định này để điều chỉnh một cách hợp lý các quan hệ xã hội, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước thực tốt nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Tuy nhiên, trong những trường hợp cụ thể, việc ban hành văn bản theo sự ủy quyền còn chậm, dẫn đến thực trạng là Luật và văn bản của cơ quan cấp trên đã có quy định nhưng không thực hiện được bởi còn chờ văn bản của địa phương quy định cụ thể, dẫn đến thực trạng áp dụng là “ văn bản cấp dưới to hơn văn bản cấp trên”. Một hạn chế nữa là địa phương ban hành dễ dẫn đến việc đặt thêm quy phạm pháp luật và có thể trái với văn bản của cấp trên, dẫn đến tính không thống nhất trong hệ thống pháp luật và sự tùy tiện “ cùng một quy phạm nhưng mỗi địa phương làm một kiểu”.

3. Đánh giá về chất lượng văn bản do Trung ương ban hành:

Pháp luật là công cụ để điều chỉnh các quan hệ xã hội, là kết quả của sự phát triển xã hội vừa mang tính khách quan, vừa mang tính chủ quan. Pháp luật là cơ sở pháp lý để bộ máy nhà nước tổ chức và hoạt động, là công cụ để nhà nước quản lý hữu hiệu các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội, là phương tiện thiết lập và đảm bảo công bằng và là cơ sở bảo vệ hữu hiệu quyền công dân. Vì vậy nhà nước ta luôn coi trọng công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Đặc biệt từ khi Luật ban hành văn bản năm 2008 ra đời, hoạt động xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã đạt được những kết quả to lớn. Các văn bản đã kịp thời thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng thành pháp luật của Nhà nước. Những văn bản của trung ương ban hành ngày càng được nâng lên về chất lượng và hầu như điều chỉnh đầy đủ các lĩnh vực kinh tế - xã hội - an ninh - quốc phòng, tạo điều kiện cho chính quyền địa phương sử dụng để quản lý các hoạt động tại địa phương, đảm bảo duy trì trật tự xã hội và phát triển kinh tế, góp phần tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Nhiều văn bản pháp luật ra đời đã góp phần đáng kể vào công cuộc quản lý xã hội, tạo nên hành lang pháp lý an toàn để nhân dân và cơ quan, tổ chức sử dụng để phục vụ nhu cầu cuộc sống và quản lý xã hội, các văn bản này được nhân dân đồng tình ủng hộ và nghiêm túc thực hiện như các quy định pháp luật về quy chế dân chủ ở cơ

sở, pháp luật quy định về quyền khiếu nại, tố cáo của công dân, quy định về bảo vệ sức khỏe nhân dân; quy định về Lao động, việc làm, bảo hiểm y tế, các quy định về dịch vụ công; quy định về quyền tự do kinh doanh, quy định về quyền cạnh tranh trong kinh doanh, chế độ sở hữu ...

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác ban hành văn bản của các cơ quan ở Trung ương vẫn còn những tồn tại, hạn chế nhất định. Đặc biệt trong điều kiện nhà nước ta đang đẩy mạnh công cuộc hội nhập quốc tế trên các lĩnh vực, các quan hệ xã hội phát sinh ngày càng nhiều và mang tính phức tạp, đòi hỏi công tác lập pháp phải kịp thời và dự báo được tình hình phát triển của xã hội để khi văn bản ban hành ra không bị lạc hậu so với các quan hệ xã hội.

Trong thực tiễn ban hành văn bản pháp luật của các cơ quan Trung ương mà UBND huyện là cơ quan chấp hành các văn bản pháp luật đó đánh giá còn có những hạn chế sau:

- Luật, pháp lệnh ban hành còn mang tính chung chung, chưa cụ thể, để thực hiện phải có văn bản hướng dẫn thi hành, trong nhiều trường hợp một văn bản luật cần rất nhiều văn bản hướng dẫn như Luật đất đai, Luật thi hành án Dân sự, Luật Nhà ở Tại Điều 8 Luật Ban hành văn bản năm 2008 quy định “ Văn bản quy định chi tiết phải quy định cụ thể, không lặp lại quy định của văn bản được quy định chi tiết và phải được ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của văn bản hoặc điều, khoản, điểm được quy định chi tiết – Khoản 2) nhưng trong một số trường hợp văn bản hướng dẫn thi hành ban hành chậm dẫn đến Luật đã có nhưng không áp dụng được.

- Số lượng văn bản ở trung ương ban hành nhiều nhưng nhìn chung vẫn còn một số nội dung vẫn chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu điều chỉnh của xã hội hoặc có điều chỉnh nhưng nằm rải rác ở nhiều văn bản khác nhau và chưa tương xứng với quy mô cũng như yêu cầu của xã hội, ví dụ như đối với bất động sản thì trong giai đoạn ngày nay bất động sản là một tài sản lớn và việc trao đổi, mua bán bất động sản ngày càng diễn ra sôi động, nhu cầu công dân là cần được đăng ký quyền sở hữu hợp pháp của mình diễn ra hàng ngày, hàng giờ, vì vậy hoạt động đăng ký bất động sản đòi hỏi phải có văn bản thống nhất, để thực hiện để thúc đẩy sự lành mạnh của thị trường bất động sản và an toàn pháp lý cho các giao dịch, nhưng hiện nay chưa có Luật đăng ký bất động sản riêng để điều chỉnh nội dung này, mà các quy định về đăng ký bất động sản nằm rải rác ở nhiều văn bản pháp luật khác nhau như Luật đất đai, Luật Nhà ở, Luật kinh doanh bất động sản, Luật bảo vệ và phát triển rừng,... và các văn bản hướng dẫn thi hành các luật này. Điều này làm cho người dân gặp nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện các quyền liên quan đến bất động sản của mình. Hoặc trong lĩnh vực chứng thực, hoạt động chứng thực ngày càng diễn ra sôi động để đáp ứng các nhu cầu thiết yếu của công dân trong giao dịch dân sự, nhưng hiện nay chưa có Luật chứng thực để điều chỉnh hoạt động này mà nằm rải rác ở nhiều văn bản khác nhau như chứng thực bất động sản thì quy định ở Luật đất đai, Luật Nhà ở và các văn bản hướng dẫn thi hành các luật này; chứng thực động sản, di

chúc, văn bản từ chối nhận di sản thì quy định ở Nghị định 75/2000/NĐ-CP; chứng thực bản sao, chữ ký, bản dịch thì quy định ở Nghị định 79/2007/NĐ-CP, Nghị định 04/2012/NĐ-CP; Nghị định 06/2012.

- Một số quy phạm pháp luật chưa phù hợp với thực tiễn của đời sống xã hội dẫn đến khi ban hành và áp dụng trong thực tiễn bị nhân dân phản đối hoặc không thực thi được, làm giảm sút tính nghiêm minh của pháp luật, giảm ý thức chấp hành pháp luật của nhân dân và giảm uy tín của cơ quan ban hành, ví dụ như các quy phạm quy định về Người bán hàng rong, thức ăn đường phố phải đi khám sức khỏe, phải có đủ hóa đơn chứng từ chứng minh nguồn gốc nguyên liệu (Thông tư 30/2012 của Bộ Y tế); quy định về không được bán thịt động vật quá 8 tiếng kể từ khi giết, mổ (Thông tư 33/2012/TT-BNN&PTNT của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn); Quy phạm quy định về Phạt người tham gia giao thông đội mũ bảo hiểm không đảm bảo chất lượng (Thông tư liên tịch 06/2013/TTLT-BKHCN-BCT-BCA-BGTVT);....

Chính những hạn chế nêu trên trong công tác ban hành văn bản của các cơ quan ở trung ương đã gây không ít khó khăn trong công tác quản lý, điều hành của chính quyền địa phương trong công tác thi hành pháp luật, áp dụng pháp luật, tuyên truyền, phổ biến pháp luật và xử lý vi phạm. Đồng thời gây khó khăn cho công dân trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

4. Đánh giá về tác động của Luật ban hành văn bản năm 2008:

Luật ban hành văn bản năm 2008 ra đời đánh dấu một sự chuyển biến mới trong công tác ban hành văn bản quy phạm pháp luật, việc quy định lại thẩm quyền ban hành các loại văn bản của các cơ quan có thẩm quyền tạo nên sự thông thoáng trong hệ thống pháp luật, sự nhận biết loại văn bản nào thuộc cơ quan nào ban hành dễ dàng hơn. Các quy định của luật tạo nên một quy trình thống nhất, đồng bộ trong các khâu từ lập chương trình xây dựng đến xây dựng dự thảo, lấy ý kiến, thẩm định, thông qua, ban hành, tạo điều kiện cho các cơ quan thực thi thực hiện được thông suốt, chặt chẽ và đảm bảo tính công khai, minh bạch, khả thi của văn bản ban hành. Việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền, phù hợp với thực tiễn tạo điều kiện thuận lợi trong việc áp dụng, thi hành pháp luật, quản lý xã hội của các cơ quan chức năng. Góp phần duy trì trật tự xã hội, an ninh quốc gia và thúc đẩy kinh tế phát triển.

5. Đánh giá về tính thống nhất giữa Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2008 và Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và UBND năm 2004.

Tại Điều 1 Luật ban hành văn bản năm 2008 quy định “ Văn bản QPPL là văn bản do cơ quan nhà nước ban hành hoặc phối hợp ban hành theo thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục được quy định trong luật này hoặc trong Luật ban hành văn bản QPPL của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004, trong đó có quy tắc xử sự chung, được nhà nước bảo đảm thực hiện để điều chỉnh các quan hệ xã hội”.

Như vậy luật thừa nhận trong công tác ban hành văn bản quy phạm pháp luật có hai văn bản song song điều chỉnh, đối với các cơ quan trung ương áp dụng theo Luật ban hành văn bản năm 2008, đối với các cơ quan địa phương áp dụng theo quy định của Luật ban hành văn bản năm 2004 về trình tự, thủ tục ban hành, trong nội dung này không có sự mâu thuẫn về áp dụng pháp luật. Tuy nhiên, Điều 83 của Luật ban hành văn bản năm 2008 quy định “ Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật do cùng một cơ quan ban hành mà có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của văn bản được ban hành sau”.

Đối chiếu quy định trên với 02 văn bản Luật thì có quy định khác nhau về thời điểm có hiệu lực của văn bản: Điều 78 Luật ban hành văn bản năm 2008 quy định “ thời điểm có hiệu lực của văn bản QPPL được quy định trong văn bản nhưng không sớm hơn bốn mươi lăm ngày, kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành - Khoản 1). Trong khi đó Điều 51 Luật ban hành văn bản năm 2004 quy định văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh có hiệu lực sau mười ngày; của HĐND, UBND cấp huyện có hiệu lực sau bảy ngày và HĐND, UBND cấp xã có hiệu lực sau năm ngày. Như vậy là có sự quy định khác nhau về cùng một nội dung.

Quy định về đăng công báo và thời gian đăng công báo: Điều 78 Luật ban hành văn bản năm 2008 quy định: “Văn bản QPPL phải được đăng công báo; Văn bản không đăng công báo thì không có hiệu lực thi hành” và “ Trong thời hạn chậm nhất là hai ngày làm việc kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành, cơ quan ban hành văn bản QPPL phải gửi văn bản đến cơ quan công báo để đăng công báo”. Trong khi đó Luật ban hành văn bản năm 2004 quy định: Văn bản của HĐND, UBND tỉnh phải được đăng trên công báo tỉnh chậm nhất là năm ngày; Văn bản QPPL của cấp huyện phải được niêm yết chậm nhất là 03 ngày và của cấp xã chậm nhất là hai ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành. Như vậy, có sự quy định khác nhau về thời hạn và cách thức công bố công khai văn bản QPPL giữa hai văn bản. Điều này gây lúng túng cho các cơ quan ở địa phương vì nếu áp dụng theo quy định của Luật ban hành văn bản năm 2004 thì vi phạm Điều 83 của Luật ban hành văn bản năm 2008.

II. Nhận xét, tồn tại, vướng mắc và nguyên nhân:

1. Nhận xét chung về sự tham gia xây dựng, góp ý của cơ quan, địa phương trong công tác xây dựng pháp luật:

Theo quy định của Luật ban hành văn bản năm 2008 thì trong quy trình từ xây dựng dự thảo đến thông qua ký ban hành phải trải qua nhiều thủ tục, trong đó có thủ tục lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị và nhân dân. Trong thực tiễn thực hiện công tác này cho thấy khi một dự thảo văn bản QPPL được xây dựng xong được tổ chức lấy ý kiến góp ý thì có không nhiều ý kiến của nhân dân, cơ quan địa phương tham gia góp ý vào dự thảo văn bản, một số cơ quan hữu quan tham gia ý kiến nhưng thể hiệu tính chủ quan, cục bộ, thiếu tôn trọng các yêu cầu có tính khách quan như tính pháp lý, tính phù hợp với thực tiễn, tính thống nhất trong hệ thống pháp luật hoặc tính hiệu quả; có rất ít ý kiến góp ý có chất lượng. Vì vậy, một số văn bản của

văn bản trung ương khi ban hành ra áp dụng trên thực tiễn mới phát sinh những vướng mắc, bất cập như không phù hợp với thực tiễn, không thực thi được trong thực tế hoặc mâu thuẫn, chồng chéo với các văn bản pháp luật khác.

2. Tồn tại, vướng mắc trong thi hành Luật ban hành văn bản năm 2008 liên quan đến quy trình tham gia xây dựng, góp ý của địa phương đối với việc ban hành văn bản của cơ quan trung ương:

Trong thực tiễn thi hành luật thì luật chỉ quy định việc lấy ý kiến nhưng không quy định rõ trình tự, thủ tục lấy ý kiến và tiếp thu ý kiến như thế nào, không quy định việc tổ chức phản biện giữa cơ quan soạn thảo dự thảo với người tham gia góp ý để tạo nên sự đồng thuận của các chủ thể đối với dự thảo, vì vậy, việc tổ chức lấy ý kiến mang tính một chiều, việc tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa dự thảo phụ thuộc rất lớn vào ý chí chủ quan của người soạn thảo dự thảo nên trong một số trường hợp chất lượng không cao và không phù hợp với thực tiễn.

Trong một số trường hợp việc tổ chức lấy ý kiến gặp khó khăn về thời gian, nhân lực, kinh phí nên việc tổ chức khảo sát, điều tra thực tế không được thực hiện nghiêm túc, đầy đủ dẫn đến chất lượng góp ý không cao.

Bên cạnh đó, ý thức tham gia, góp ý vào dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của một bộ phận cán bộ, công chức và nhân dân chưa cao, nên trong việc tham gia góp ý còn hạn chế, chưa tận dụng được những ý kiến tốt, hay vào dự thảo văn bản.

III. Kiến nghị:

- Cơ quan có thẩm quyền cần xem xét hợp nhất Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008 với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND năm 2004 thành một luật để dễ áp dụng.

- Cần làm rõ khái niệm và dấu hiệu đặc trưng của văn bản quy phạm pháp luật để dễ dàng phân biệt được với văn bản hành chính thông thường, đảm bảo trong quá trình ban hành không bị nhầm lẫn nội dung ban hành giữa hai loại văn bản.

Trên đây là báo cáo tổng kết Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008 của UBND huyện. Kính báo cáo UBND tỉnh biết./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (qua Sở Tư pháp);
- TVHU;
- Lưu: VPHĐND-UBND, TP;

CHỦ TỊCH



Lê Văn Mùi

